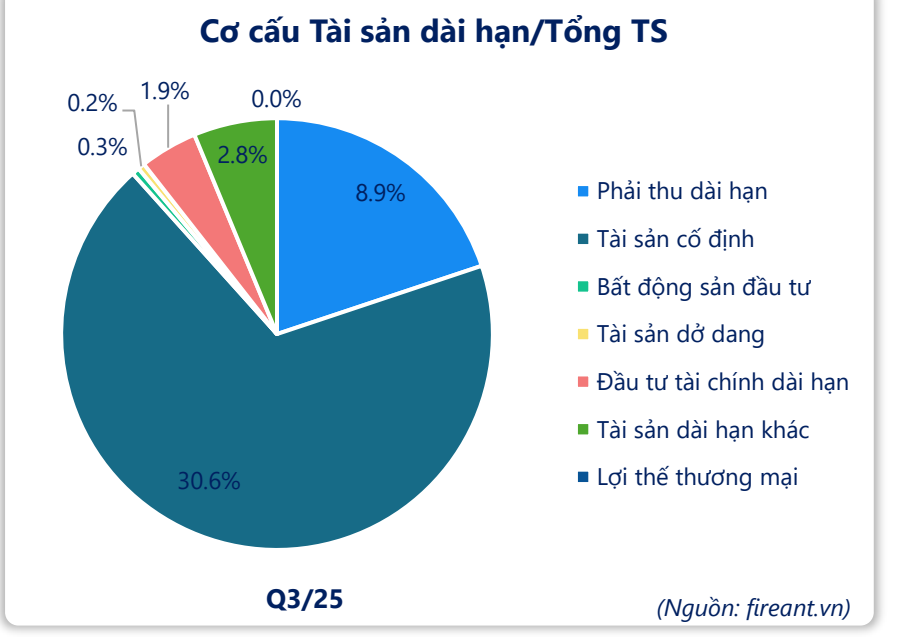
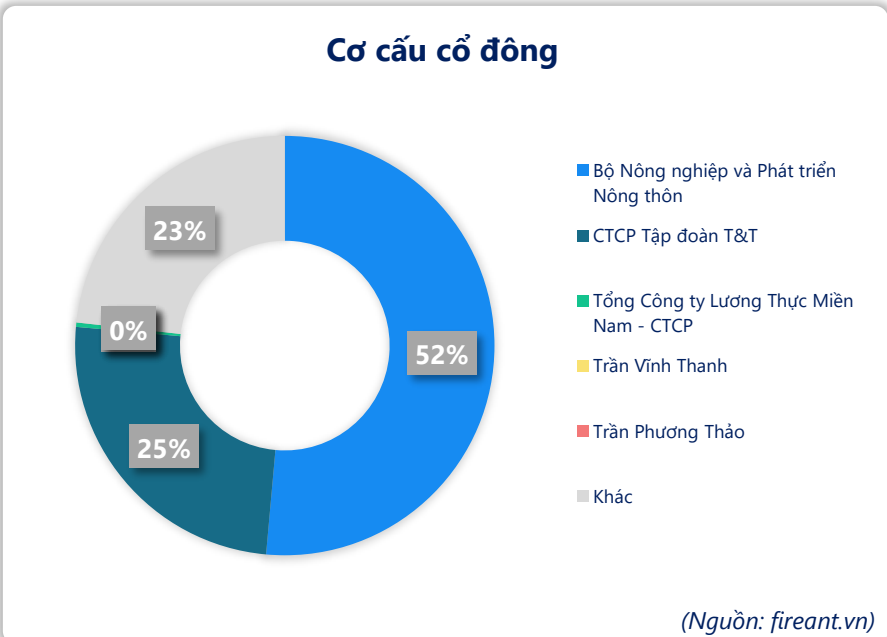
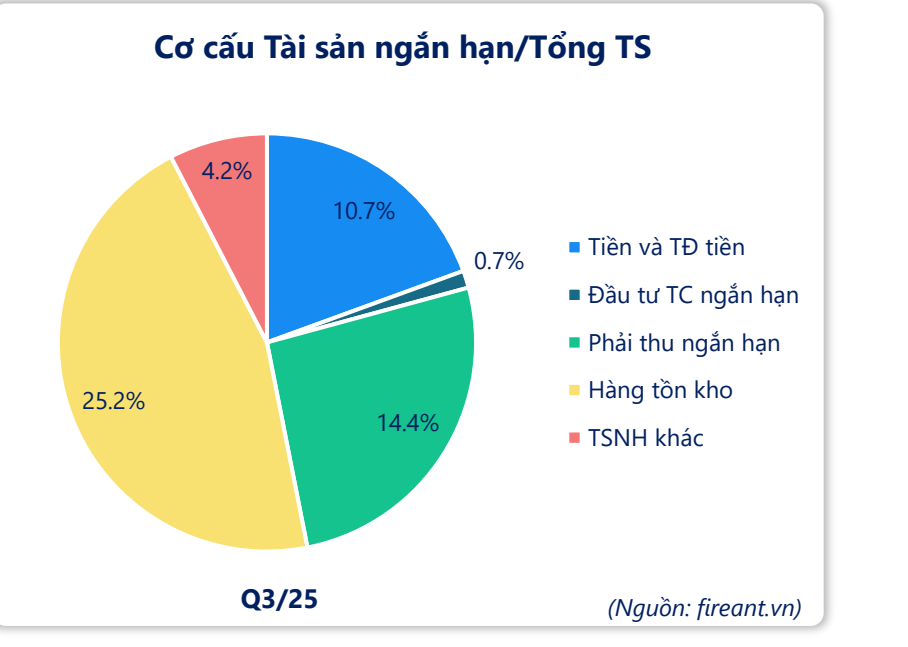
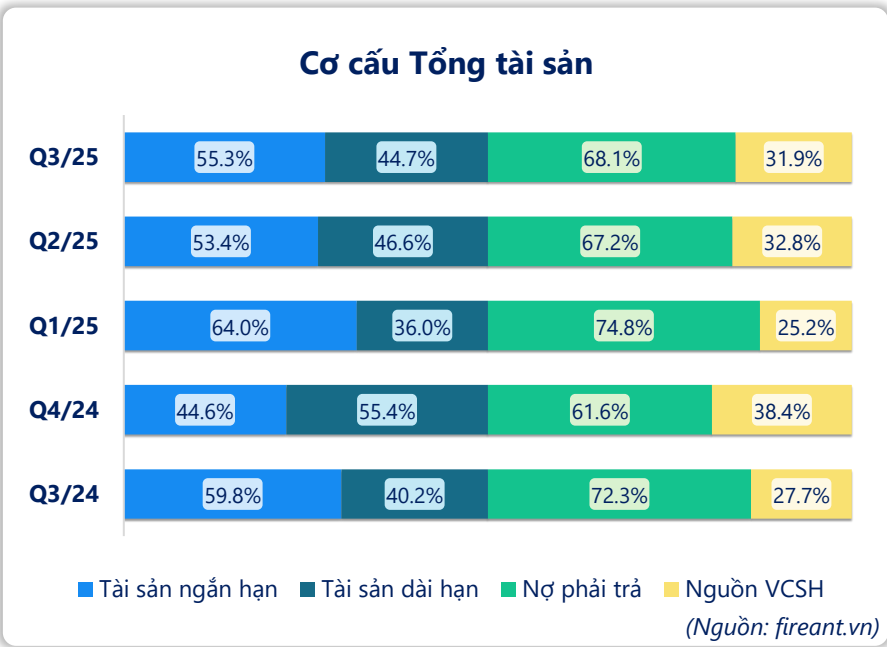
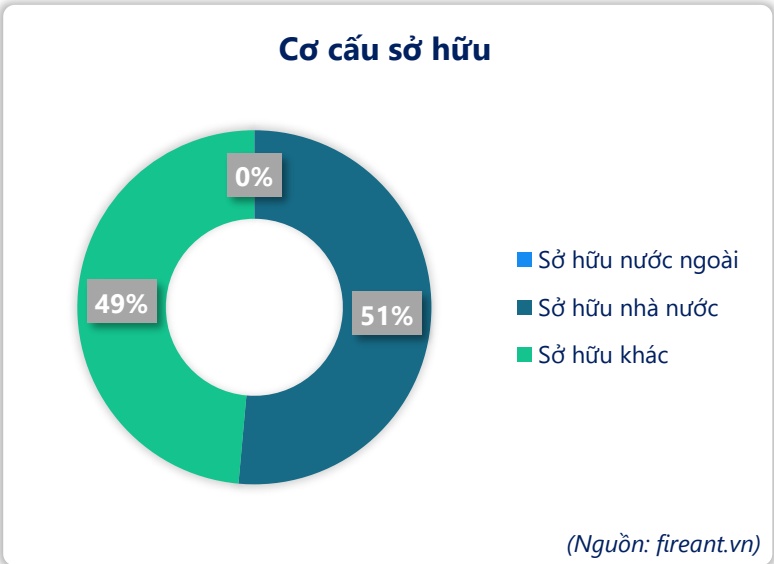
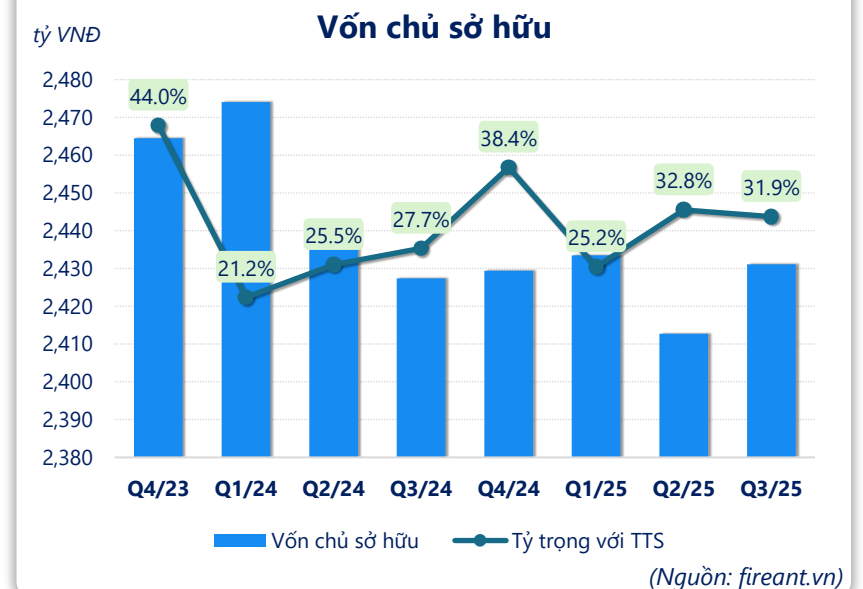
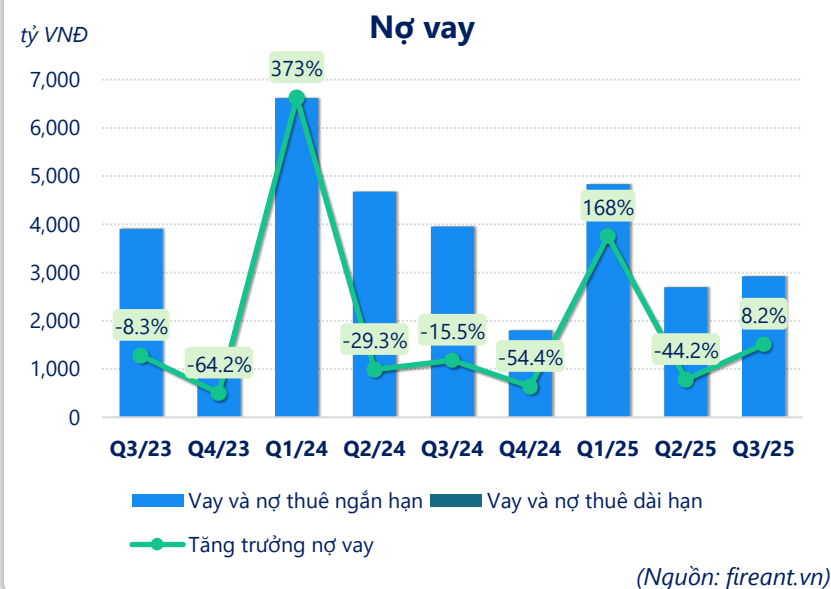
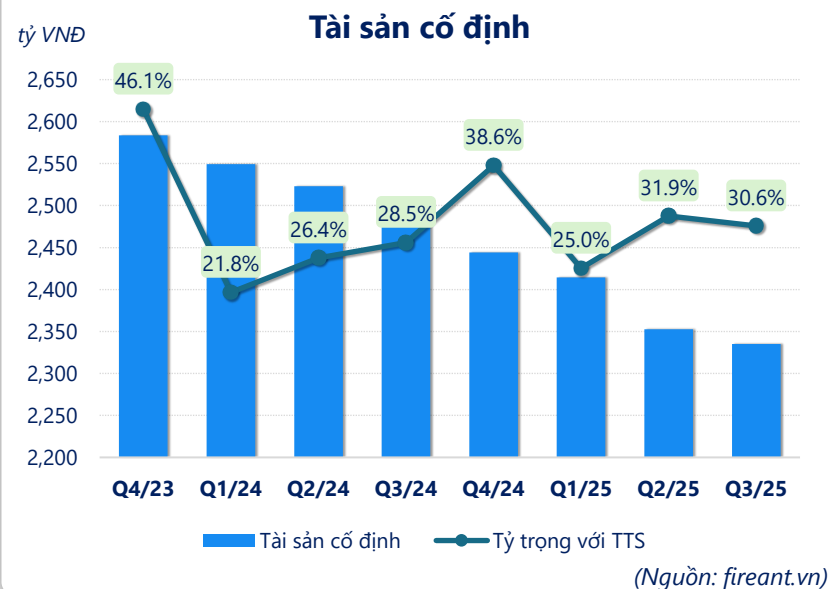
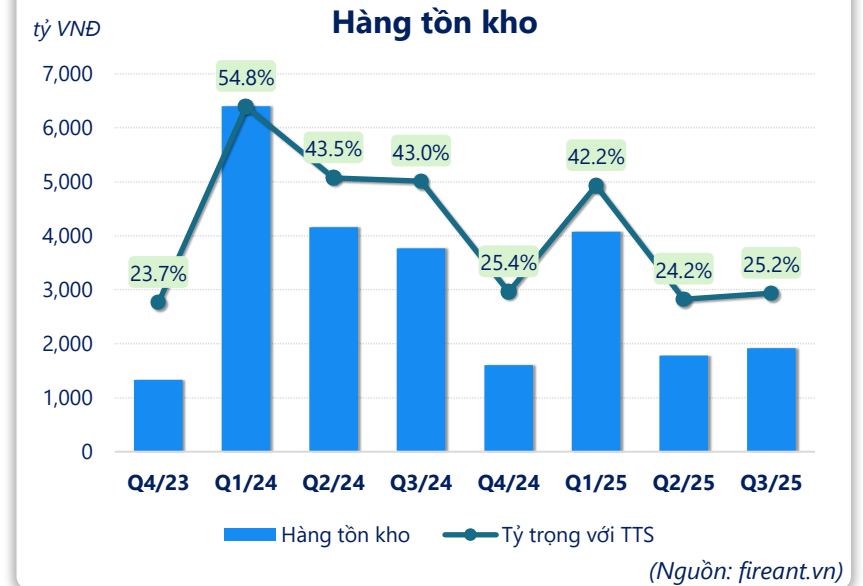
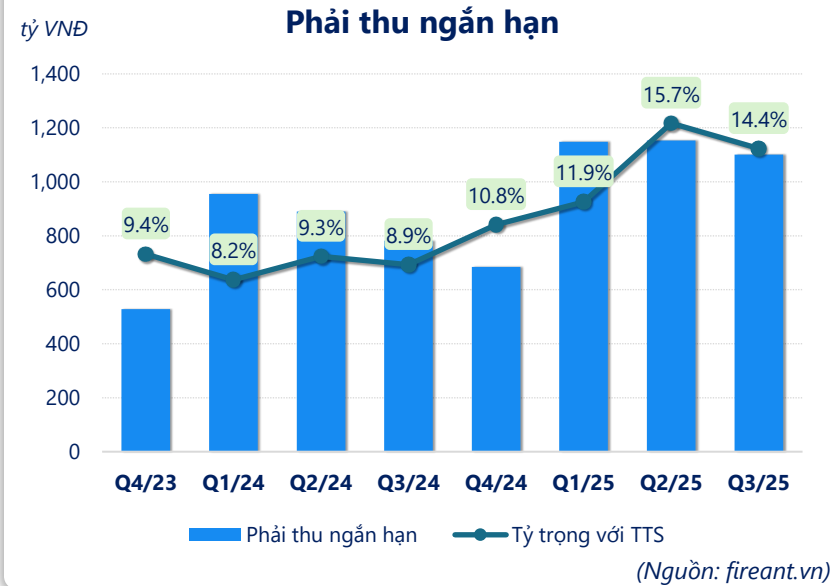
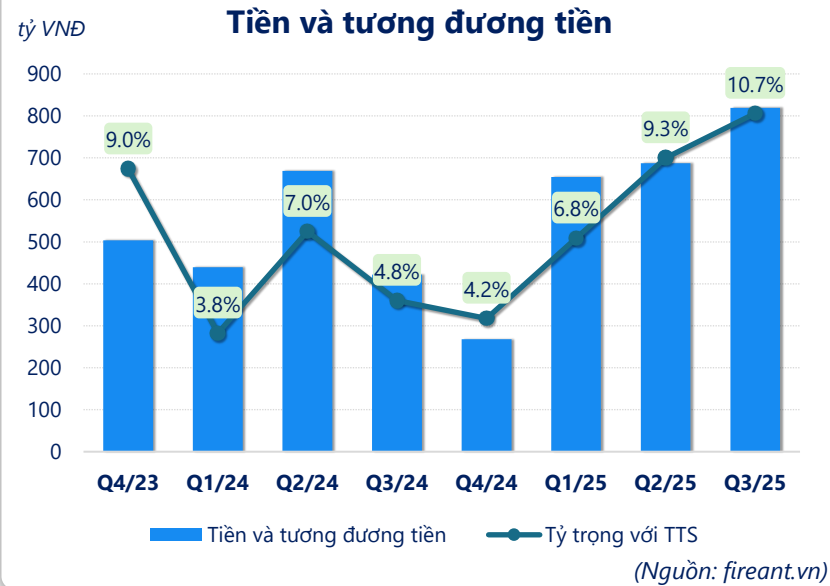
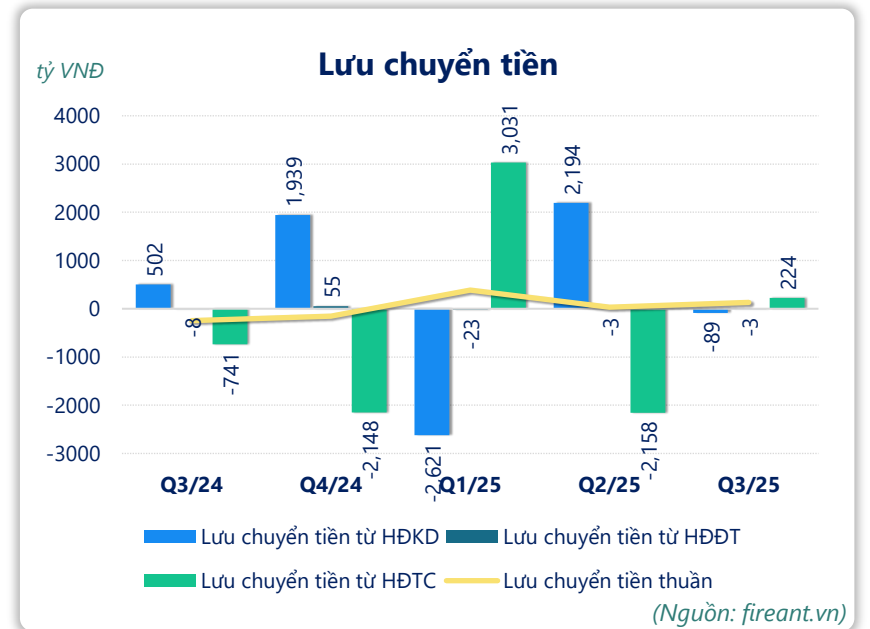
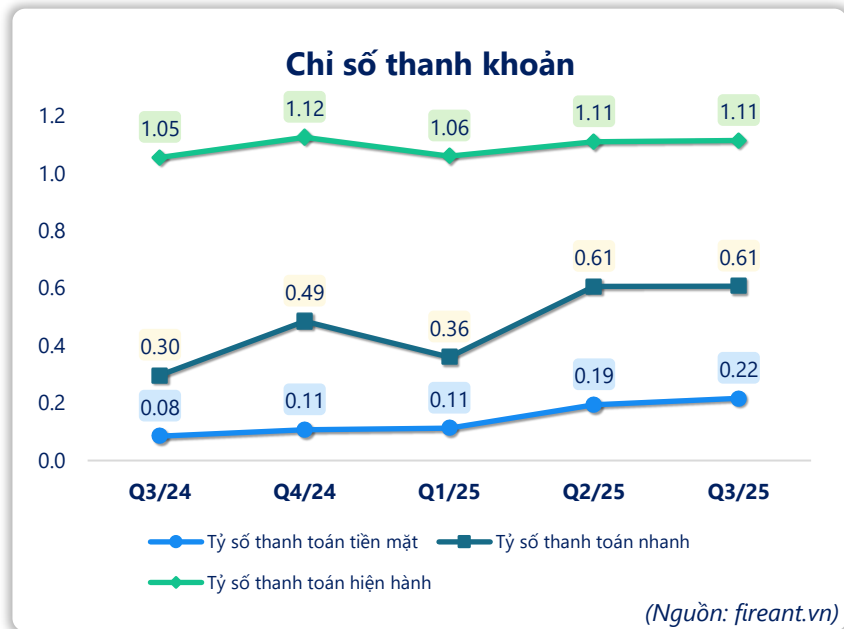
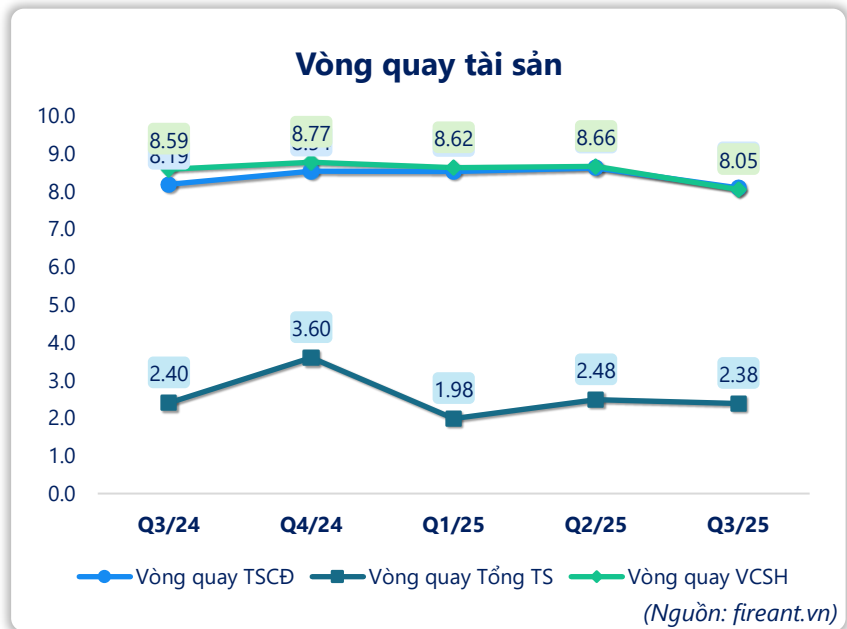
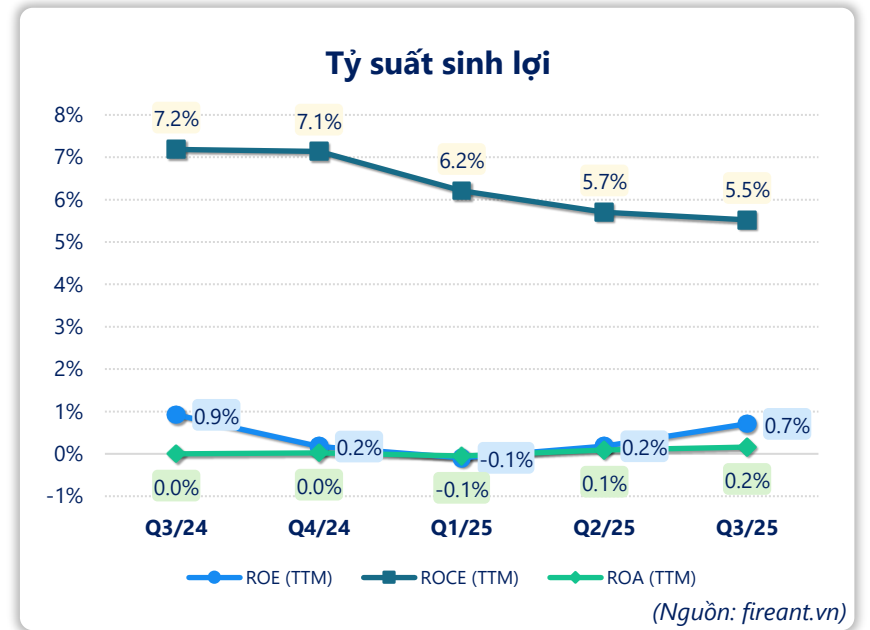
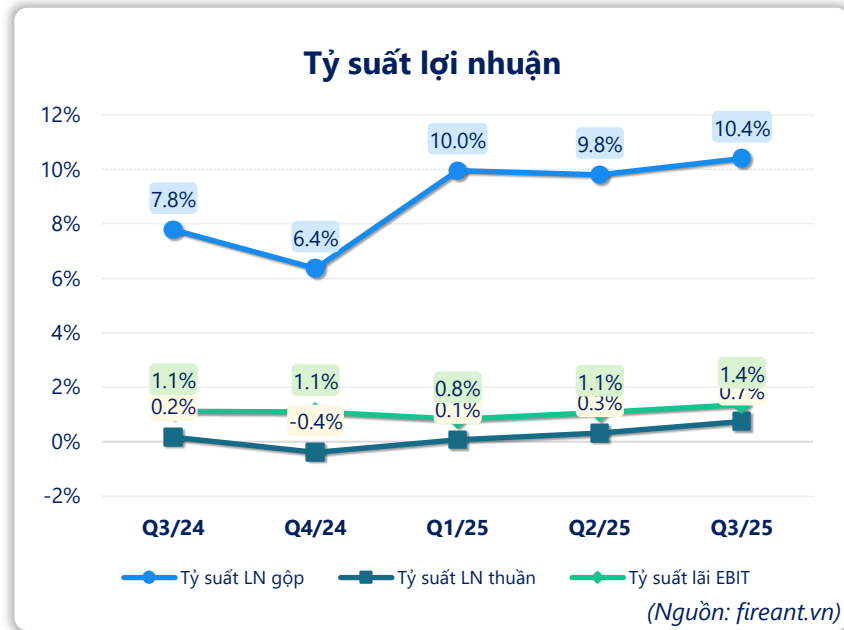
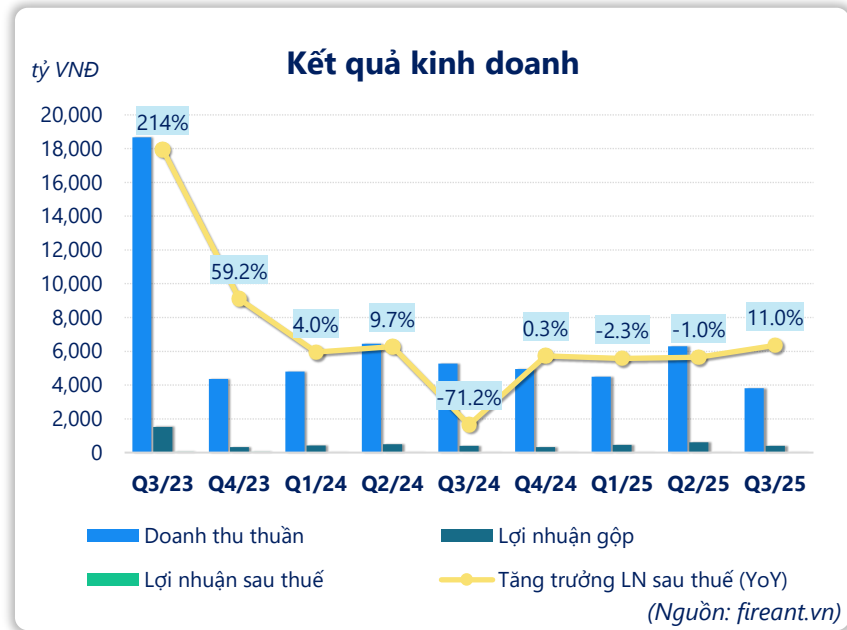


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		26,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		36,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		24,900
SL cổ phiếu LH		500,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		11,055
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		13,150
P/E		765.5
EPS		34

	YTD	1T	3T	6T
VSF	-25.9%	4.0%	-1.5%	-22.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	7,625	6,328	20.5%
Tài sản ngắn hạn	4,214	2,826	49.1%
Tiền và tương đương tiền	819	268	206%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	56.0	55.0	1.8%
Phải thu ngắn hạn	1,101	686	60.4%
Hàng tồn kho	1,918	1,606	19.4%
Tài sản ngắn hạn khác	320	210	52.3%
Tài sản dài hạn	3,411	3,502	-2.6%
Phải thu dài hạn	678	655	3.4%
Tài sản cố định	2,335	2,444	-4.5%
Bất động sản đầu tư	19.3	19.6	-1.5%
Tài sản dở dang	17.6	17.2	2.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	147	144	2.7%
Tài sản dài hạn khác	213	222	-4.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,194	3,898	33.2%
Nợ ngắn hạn	3,784	2,512	50.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,918	1,799	62.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	141	150	-5.5%
Nợ dài hạn	1,410	1,387	1.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.07	2.76	-25.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,431	2,430	0.1%
Vốn chủ sở hữu	2,431	2,430	0.1%
Vốn điều lệ	5,000	5,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	5,262	4,955	4,497	6,289	3,807
Giá vốn hàng bán	4,853	4,640	4,049	5,673	3,411
Lợi nhuận gộp	409	315	448	616	396
Doanh thu HĐTC	43.0	27.9	24.3	38.9	30.1
Chi phí TC	67.6	89.9	72.8	83.7	39.7
Chi phí lãi vay	48.1	38.0	28.8	43.3	28.7
LN trong công ty LKLD	2.44	1.45	1.71	2.36	1.71
Chi phí bán hàng	252	204	308	417	260
Chi phí QLDN	126	69.7	90.3	137	99.8
LN thuần từ HĐKD	8.88	-19.3	3.13	19.8	28.3
Lợi nhuận khác	2.19	35.6	5.46	4.24	-5.05
LN trước thuế	11.1	16.3	8.58	24.1	23.3
Lợi nhuận sau thuế	6.72	2.20	4.00	18.3	18.5
LNST của CĐ cty mẹ	0.23	1.45	-5.34	8.00	13.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	502	1,939	-2,621	2,194	-89.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.73	55.1	-22.9	-3.05	-2.71
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-741	-2,148	3,031	-2,158	224
Tiền đầu kỳ	669	422	268	655	687
Lưu chuyển tiền thuần	-247	-154	387	32.7	132
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.37	-0.02	-0.05	0.17	-0.14
Tiền cuối kỳ	422	268	655	687	819

(Nguồn: fireant.vn)